

Số: 438 /TB-HĐTD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 10 năm 2025

**THÔNG BÁO**

**Kết quả tuyển dụng viên chức năm 2025 của Bệnh viện Tai Mũi Họng**

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Kế hoạch số 479/KH-BVTMH ngày 15/7/2025 của Bệnh viện Tai Mũi Họng về xét tuyển viên chức năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 505/QĐ-BVTMH ngày 15/7/2025 của Bệnh viện Tai Mũi Họng về việc phê duyệt Kế hoạch xét tuyển viên chức năm 2025 của Bệnh viện Tai Mũi Họng;

Căn cứ Quyết định số 666/QĐ-BVTMH ngày 22/8/2025 của Bệnh viện Tai Mũi Họng về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức Bệnh viện Tai Mũi Họng năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 862/QĐ-BVTMH ngày 22/10/2025 của Bệnh viện Tai Mũi Họng về việc công nhận kết quả xét tuyển viên chức năm 2025 của Bệnh viện Tai Mũi Họng;

Hội đồng tuyển dụng viên chức Bệnh viện Tai Mũi Họng năm 2025 thông báo các nội dung sau:

1. Kết quả tuyển dụng viên chức của Bệnh viện Tai Mũi Họng năm 2025

(Danh sách đính kèm)

2. Kết quả tuyển dụng viên chức năm 2025 được niêm yết công khai tại bảng thông báo và đăng tải trên Website (<https://taimuihongtphcm.vn>) của Bệnh viện Tai Mũi Họng.

3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận thông báo kết quả trúng tuyển, người trúng tuyển phải hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng trực tiếp tại:

- Địa điểm: Phòng Tổ chức cán bộ - Bệnh viện Tai Mũi Họng
- Địa chỉ 155B Trần Quốc Thảo, phường Nhiêu Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thời gian: Từ thứ Hai đến thứ Sáu
  - + Sáng từ 07 giờ 30 đến 11 giờ 00
  - + Chiều từ 13 giờ 30 đến 16 giờ 00

**Thành phần hồ sơ gồm:**

- Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển, giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có) được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;

- Phiếu lý lịch tư pháp số 1 do cơ quan có thẩm quyền cấp trong thời hạn 06 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;
- Bản sơ yếu lý lịch tự thuật (theo mẫu) do cơ quan có thẩm quyền xác nhận trong thời hạn 06 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;
- Bản sao giấy khai sinh và căn cước công dân;
- Giấy chứng nhận sức khỏe có kết luận đủ sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp theo quy định tại Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế. Đối với người có giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước ngoài cấp thì giấy khám sức khỏe được sử dụng trong trường hợp Việt Nam và quốc gia hoặc vùng lãnh thổ cấp giấy khám sức khỏe có điều ước hoặc thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau và thời hạn sử dụng của giấy khám sức khỏe đó không quá 6 tháng kể từ ngày được cấp. Giấy khám sức khỏe phải được dịch sang tiếng Việt có chứng thực bản dịch;
- Bản sao Quyết định nghỉ việc ở đơn vị cũ (nếu có);
- Bản photo quá trình đóng Bảo hiểm xã hội (nếu có).

4. Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ dự tuyển theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc Bệnh viện phát hiện người trúng tuyển sử dụng văn bằng, chứng chỉ không đúng quy định thì Giám đốc Bệnh viện Tai Mũi Họng ra quyết định hủy kết quả trúng tuyển và có văn bản báo cáo Giám đốc Sở Y tế. Người đăng ký dự tuyển phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của những giấy tờ trong hồ sơ dự tuyển.

Trên đây là thông báo kết quả tuyển dụng viên chức của Bệnh viện Tai Mũi Họng năm 2025./.

**Nơi nhận:**

- Ban Giám đốc Bệnh viện;
- Ban Giám sát;
- Ban Kiểm tra sát hạch;
- Các cá nhân có liên quan (theo dõi trên Website);
- Phòng QLCL (đăng Website);
- Lưu: VT, “TCCB (PTHQ/04b) NTK”.

**TM.HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG  
CHỦ TỊCH**



**GIÁM ĐỐC  
Lê Trần Quang Minh**

BỆNH VIỆN TAI MŨI HỌNG  
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC

KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2025 CỦA BỆNH VIỆN TAI MŨI HỌNG

(Ban hành kèm theo Thông báo số 438.../TB-BTMMH ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2025 của Bệnh viện Tai Mũi Họng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

| STT | Họ và tên          | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Vị trí dự tuyển                              | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Khoa/phòng        | Trình độ chuyên môn                           |                | Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ | Điểm văn đáp (Vòng 2) | Thuộc đối tượng ưu tiên | Điểm ưu tiên | Tổng điểm | Kết quả     | Ghi chú |
|-----|--------------------|---------------------|-----------|----------------------------------------------|--------------------------------|-------------------|-----------------------------------------------|----------------|---------------------------|-----------------------|-------------------------|--------------|-----------|-------------|---------|
|     |                    |                     |           |                                              |                                |                   | Trình độ                                      | Chuyên ngành   |                           |                       |                         |              |           |             |         |
| 1   | Trần Thanh Long    | 30/11/1992          | Nam       | Bác sĩ (hạng III)<br>(Bác sĩ điều trị)       | Bác sĩ (hạng III)              | Khoa Nhi tổng hợp | Thạc sĩ, Bác sĩ nội trú, Bác sĩ Chuyên khoa I | Tai Mũi Họng   | Đạt                       | 87.5                  | Không                   |              | 87.5      | Trúng tuyển |         |
| 2   | Nguyễn Thái Bảo    | 05/10/1995          | Nam       | Bác sĩ (hạng III)<br>(Bác sĩ điều trị)       | Bác sĩ (hạng III)              | Khoa Mũi xoang    | Thạc sĩ, Bác sĩ nội trú, Bác sĩ Chuyên khoa I | Tai Mũi Họng   | Đạt                       | 90                    | Không                   |              | 90        | Trúng tuyển |         |
| 3   | Lý Quang Khải      | 19/06/1986          | Nam       | Bác sĩ (hạng III)<br>(Bác sĩ điều trị)       | Bác sĩ (hạng III)              | Khoa Khám bệnh    | Bác sĩ Chuyên khoa I                          | Tai Mũi Họng   | Đạt                       | 87.5                  | Dân tộc thiểu số        | 5            | 92.5      | Trúng tuyển |         |
| 4   | Lý Ngọc Thạch      | 28/04/1993          | Nam       | Bác sĩ (hạng III)<br>(Bác sĩ gây mê hồi sức) | Bác sĩ (hạng III)              | Khoa Phẫu thuật   | Bác sĩ định hướng Gây mê hồi sức              | Gây mê hồi sức | Đạt                       | 92.5                  | Không                   |              | 92.5      | Trúng tuyển |         |
| 5   | Nguyễn Quốc Trung  | 18/07/1988          | Nam       | Bác sĩ (hạng III)<br>(Bác sĩ gây mê hồi sức) | Bác sĩ (hạng III)              | Khoa Phẫu thuật   | Bác sĩ Chuyên khoa I                          | Gây mê hồi sức | Đạt                       | 87.5                  | Không                   |              | 87.5      | Trúng tuyển |         |
| 6   | Trần Hữu Phúc      | 13/07/1990          | Nam       | Bác sĩ (hạng III)<br>(Bác sĩ gây mê hồi sức) | Bác sĩ (hạng III)              | Khoa Phẫu thuật   | Bác sĩ Chuyên khoa I                          | Gây mê hồi sức | Đạt                       | 87.5                  | Không                   |              | 87.5      | Trúng tuyển |         |
| 7   | Nguyễn Đình Nguyễn | 20/02/1989          | Nam       | Bác sĩ (hạng III)<br>(Bác sĩ gây mê hồi sức) | Bác sĩ (hạng III)              | Khoa Phẫu thuật   | Bác sĩ chuyên khoa I                          | Gây mê hồi sức | Đạt                       | 87.5                  | Không                   |              | 87.5      | Trúng tuyển |         |
| 8   | Lê Thị Hoài Anh    | 16/03/1993          | Nữ        | Bác sĩ (hạng III)<br>(Bác sĩ điều trị)       | Bác sĩ (hạng III)              | Khoa Cấp cứu      | Thạc sĩ, Bác sĩ nội trú, Bác sĩ Chuyên khoa I | Tai Mũi Họng   | Đạt                       | 87.5                  | Không                   |              | 87.5      | Trúng tuyển |         |
| 9   | Nguyễn Tấn Phước   | 11/09/1995          | Nam       | Bác sĩ (hạng III)<br>(Bác sĩ điều trị)       | Bác sĩ (hạng III)              | Khoa Cấp cứu      | Thạc sĩ, Bác sĩ nội trú, Bác sĩ Chuyên khoa I | Tai Mũi Họng   | Đạt                       | 87.5                  | Không                   |              | 87.5      | Trúng tuyển |         |

| STT | Họ và tên              | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                              | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Khoa/phòng                 | Trình độ chuyên môn |              | Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ | Điểm vấn đáp (Vòng 2) | Thuộc đối tượng ưu tiên | Điểm ưu tiên | Tổng điểm | Kết quả     | Ghi chú |
|-----|------------------------|---------------------|-----------|--------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------|---------------------|--------------|---------------------------|-----------------------|-------------------------|--------------|-----------|-------------|---------|
|     |                        |                     |           |                                                              |                                |                            | Trình độ            | Chuyên ngành |                           |                       |                         |              |           |             |         |
| 10  | Đặng Thị Ngọc Liên     | 31/05/1996          | Nữ        | Điều dưỡng hạng III<br>(Điều dưỡng chăm sóc)                 | Điều dưỡng hạng III            | Khoa Nhi tổng hợp          | Dại học             | Điều dưỡng   | Đạt                       | 93                    | Không                   |              | 93        | Trúng tuyển |         |
| 11  | Nguyễn Thị Thủy Trang  | 27/10/1991          | Nữ        | Điều dưỡng hạng III<br>(Điều dưỡng chăm sóc)                 | Điều dưỡng hạng III            | Khoa Nhi tổng hợp          | Dại học             | Điều dưỡng   | Đạt                       | 95                    | Không                   |              | 95        | Trúng tuyển |         |
| 12  | Phan Diệp Thanh        | 27/09/1993          | Nữ        | Điều dưỡng hạng III<br>(Điều dưỡng chăm sóc)                 | Điều dưỡng hạng III            | Khoa Phẫu thuật Đầu cổ     | Dại học             | Điều dưỡng   | Đạt                       | 90                    | Không                   |              | 90        | Trúng tuyển |         |
| 13  | Nguyễn Thủy Ngọc Trang | 18/06/1992          | Nữ        | Điều dưỡng hạng III<br>(Điều dưỡng chăm sóc)                 | Điều dưỡng hạng III            | Khoa Phẫu thuật Đầu cổ     | Dại học             | Điều dưỡng   | Đạt                       | 85                    | Không                   |              | 85        | Trúng tuyển |         |
| 14  | Mai Thủy Liễu          | 15/09/1992          | Nữ        | Điều dưỡng hạng III<br>(Điều dưỡng chăm sóc)                 | Điều dưỡng hạng III            | Khoa Mũi xoang             | Dại học             | Điều dưỡng   | Đạt                       | 90                    | Không                   |              | 90        | Trúng tuyển |         |
| 15  | Nguyễn Thị Vân         | 05/05/1991          | Nữ        | Điều dưỡng hạng III<br>(Điều dưỡng chăm sóc)                 | Điều dưỡng hạng III            | Khoa Mũi xoang             | Dại học             | Điều dưỡng   | Đạt                       | 88                    | Không                   |              | 88        | Trúng tuyển |         |
| 16  | Nguyễn Thị Trúc Hương  | 02/03/1992          | Nữ        | Điều dưỡng hạng III<br>(Điều dưỡng chăm sóc)                 | Điều dưỡng hạng III            | Khoa Tào hình thẩm mỹ      | Dại học             | Điều dưỡng   | Đạt                       | 90                    | Không                   |              | 90        | Trúng tuyển |         |
| 17  | Trần Thị Mỹ Duyên      | 01/03/1991          | Nữ        | Điều dưỡng hạng III<br>(Điều dưỡng phòng khám)               | Điều dưỡng hạng III            | Khoa Khám bệnh             | Dại học             | Điều dưỡng   | Đạt                       | 80                    | Không                   |              | 80        | Trúng tuyển |         |
| 18  | Nguyễn Kinh Chánh      | 22/12/1989          | Nam       | Điều dưỡng hạng III<br>(Điều dưỡng dụng cụ)                  | Điều dưỡng hạng III            | Khoa Phẫu thuật            | Dại học             | Điều dưỡng   | Đạt                       | 90                    | Không                   |              | 90        | Trúng tuyển |         |
| 19  | Trần Ngọc Thảo Liên    | 02/04/1991          | Nữ        | Điều dưỡng hạng III<br>(Điều dưỡng chăm sóc tại bộ phận ICU) | Điều dưỡng hạng III            | Khoa Phẫu thuật            | Dại học             | Điều dưỡng   | Đạt                       | 95                    | Không                   |              | 95        | Trúng tuyển |         |
| 20  | Lê Thị Thanh Quyên     | 07/12/1996          | Nữ        | Điều dưỡng hạng III<br>(Tiếp liệu, thanh trùng)              | Điều dưỡng hạng III            | Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn | Dại học             | Điều dưỡng   | Đạt                       | 90                    | Không                   |              | 90        | Trúng tuyển |         |
| 21  | Tiêu Kim Phụng         | 25/05/1990          | Nữ        | Điều dưỡng hạng IV<br>(Điều dưỡng chăm sóc)                  | Điều dưỡng hạng IV             | Khoa Nhi tổng hợp          | Cao đẳng            | Điều dưỡng   | Không kiểm tra sát hạch   | 90                    | Không                   |              | 90        | Trúng tuyển |         |
| 22  | Lê Trúc Hiền           | 16/10/1997          | Nữ        | Điều dưỡng hạng IV<br>(Điều dưỡng chăm sóc)                  | Điều dưỡng hạng IV             | Khoa Mũi xoang             | Cao đẳng            | Điều dưỡng   | Không kiểm tra sát hạch   | 85                    | Không                   |              | 85        | Trúng tuyển |         |
| 23  | Trần Thủy Bích Duyên   | 10/08/1994          | Nữ        | Điều dưỡng hạng IV<br>(Điều dưỡng chăm sóc tại bộ phận ICU)  | Điều dưỡng hạng IV             | Khoa Phẫu thuật            | Dại học             | Điều dưỡng   | Không kiểm tra sát hạch   | 92                    | Không                   |              | 92        | Trúng tuyển |         |

| STT | Họ và tên               | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                            | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Khoa/phòng                 | Trình độ chuyên môn |                                               | Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ | Điểm văn đáp (Vòng 2) | Thuộc đối tượng ưu tiên     | Điểm ưu tiên | Tổng điểm | Kết quả     | Ghi chú |
|-----|-------------------------|---------------------|-----------|------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------|---------------------|-----------------------------------------------|---------------------------|-----------------------|-----------------------------|--------------|-----------|-------------|---------|
|     |                         |                     |           |                                                            |                                |                            | Trình độ            | Chuyên ngành                                  |                           |                       |                             |              |           |             |         |
| 24  | Trần Quốc Toàn          | 28/06/1989          | Nam       | Điều dưỡng hạng IV (Điều dưỡng chăm sóc)                   | Điều dưỡng hạng IV             | Khoa Cấp cứu               | Cao đẳng            | Điều dưỡng                                    | Không kiểm tra sát hạch   | 90                    | Không                       |              | 90        | Trúng tuyển |         |
| 25  | Phan Hoài Vũ            | 04/03/1990          | Nam       | Điều dưỡng hạng IV (Điều dưỡng chăm sóc)                   | Điều dưỡng hạng IV             | Khoa Cấp cứu               | Cao đẳng            | Điều dưỡng                                    | Không kiểm tra sát hạch   | 80                    | Hoàn thành nghĩa vụ quân sự | 2.5          | 82.5      | Trúng tuyển |         |
| 26  | Vương Nhật Lành         | 13/08/1993          | Nam       | Điều dưỡng hạng IV (Tiếp liệu, thanh trùng)                | Điều dưỡng hạng IV             | Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn | Cao đẳng            | Điều dưỡng                                    | Không kiểm tra sát hạch   | 90                    | Hoàn thành nghĩa vụ quân sự | 2.5          | 92.5      | Trúng tuyển |         |
| 27  | Đặng Thị Quỳnh Trâm     | 02/10/1994          | Nữ        | Kỹ thuật y hạng III (Kỹ thuật y Xét nghiệm)                | Kỹ thuật y hạng III            | Khoa Xét nghiệm X quang    | Đại học             | Xét nghiệm y học                              | Đạt                       | 90.5                  | Không                       |              | 90.5      | Trúng tuyển |         |
| 28  | Trần Thị Hồng Nhiên     | 20/02/1995          | Nữ        | Kỹ thuật y hạng III (Kỹ thuật y Xét nghiệm)                | Kỹ thuật y hạng III            | Khoa Xét nghiệm X quang    | Đại học             | Xét nghiệm y học                              | Đạt                       | 95                    | Không                       |              | 95        | Trúng tuyển |         |
| 29  | Lê Ngọc Chiêu Ngân      | 07/09/1991          | Nữ        | Y tế công cộng (hạng III) (Giám sát kiểm soát nhiễm khuẩn) | Y tế công cộng (hạng III)      | Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn | Thạc sĩ             | Y tế công cộng                                | Miễn                      | 95                    | Không                       |              | 95        | Trúng tuyển |         |
| 30  | Nguyễn Văn Dũng         | 27/05/1985          | Nam       | Dược hạng IV (Thủ kho Y dụng cụ, cấp phát VTT-H-YDC)       | Dược hạng IV                   | Phòng Vật tư thiết bị y tế | Cao đẳng            | Dược                                          | Không kiểm tra sát hạch   | 86.5                  | Không                       |              | 86.5      | Trúng tuyển |         |
| 31  | Huỳnh Mạnh Thi          | 09/09/1996          | Nam       | Dược hạng IV (Thủ kho Hóa chất, cấp phát VTT-H-HC)         | Dược hạng IV                   | Phòng Vật tư thiết bị y tế | Cao đẳng            | Dược                                          | Không kiểm tra sát hạch   | 85                    | Không                       |              | 85        | Trúng tuyển |         |
| 32  | Huỳnh Bảo Ngọc          | 20/12/1995          | Nữ        | Dược hạng IV (Nhân viên nhà thuốc)                         | Dược hạng IV                   | Khoa Dược                  | Đại học             | Dược học                                      | Không kiểm tra sát hạch   | 90                    | Không                       |              | 90        | Trúng tuyển |         |
| 33  | Trần Thị Ngọc Hương     | 10/10/1986          | Nữ        | Thư ký y khoa (Khoa Nhi tổng hợp)                          | Cán sự                         | Khoa Nhi tổng hợp          | Cao đẳng            | Quản trị văn phòng chuyên ngành Thư ký Y khoa | Không kiểm tra sát hạch   | 70                    | Không                       |              | 70        | Trúng tuyển |         |
| 34  | Nguyễn Trương Linh Toàn | 20/04/1995          | Nam       | Thư ký y khoa (Khoa Phẫu thuật Dầu cò)                     | Cán sự                         | Khoa Phẫu thuật Dầu cò     | Cao đẳng            | Quản trị văn phòng chuyên ngành Thư ký Y khoa | Không kiểm tra sát hạch   | 100                   | Không                       |              | 100       | Trúng tuyển |         |
| 35  | Nguyễn Duy Nam          | 10/06/1994          | Nam       | Thư ký y khoa (Khoa Mũi xoang)                             | Cán sự                         | Khoa Mũi xoang             | Cao đẳng            | Quản trị văn phòng chuyên ngành Thư ký Y khoa | Không kiểm tra sát hạch   | 90                    | Không                       |              | 90        | Trúng tuyển |         |

| STT | Họ và tên              | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                                               | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển   | Khoa/phòng                                           | Trình độ chuyên môn |                                                             | Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ | Điểm văn đáp (Vòng 2) | Thuộc đối tượng ưu tiên | Điểm ưu tiên | Tổng điểm | Kết quả     | Ghi chú |
|-----|------------------------|---------------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------|-------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------------------|-------------------------|--------------|-----------|-------------|---------|
|     |                        |                     |           |                                                                               |                                  |                                                      | Trình độ            | Chuyên ngành                                                |                           |                       |                         |              |           |             |         |
| 36  | Võ Thị Thùy Trang      | 14/03/1994          | Nữ        | Thư ký y khoa (Khoa Khám bệnh)                                                | Cán sự                           | Khoa Khám bệnh                                       | Cao đẳng            | Quản trị văn phòng chuyên ngành Thư ký Y khoa               | Không kiểm tra sát hạch   | 80                    | Không                   |              | 80        | Trúng tuyển |         |
| 37  | Nguyễn Thị Hồng Tuyền  | 03/04/1981          | Nữ        | Chuyên viên về thi đua khen thưởng                                            | Chuyên viên                      | Phòng Tổ chức cán bộ                                 | Đại học             | Kế toán                                                     | Đạt                       | 90                    | Không                   |              | 90        | Trúng tuyển |         |
| 38  | Trần Ngọc Khiêm        | 16/07/1986          | Nam       | Chuyên viên về tổng hợp (Phụ trách mảng tổng hợp, báo cáo)                    | Chuyên viên                      | Phòng Chỉ đạo tuyển - Đào tạo và Nghiên cứu khoa học | Thạc sĩ             | Quản trị kinh doanh                                         | Đạt                       | 75                    | Không                   |              | 75        | Trúng tuyển |         |
| 39  | Nguyễn Hoàng Minh Châu | 09/06/1985          | Nam       | Kế toán viên (Kế toán theo dõi công nợ các khoản phải thu, kế toán giá thành) | Kế toán viên (hạng III)          | Phòng Tài chính - Kế toán                            | Đại học             | Kế toán                                                     | Đạt                       | 80                    | Không                   |              | 80        | Trúng tuyển |         |
| 40  | Nguyễn Thanh Thảo      | 04/03/1997          | Nữ        | Kế toán viên (Kế toán thu viện phí ngoại trú, bảo hiểm ngoại trú)             | Kế toán viên (hạng III)          | Phòng Tài chính - Kế toán                            | Đại học             | Kế toán                                                     | Đạt                       | 90                    | Không                   |              | 90        | Trúng tuyển |         |
| 41  | Nguyễn Ngọc Anh        | 25/10/1993          | Nữ        | Kế toán viên (Kế toán thu viện phí ngoại trú, bảo hiểm ngoại trú)             | Kế toán viên (hạng III)          | Phòng Tài chính - Kế toán                            | Đại học             | Kế toán                                                     | Đạt                       | 85                    | Không                   |              | 85        | Trúng tuyển |         |
| 42  | Lê Nguyễn Khánh An     | 21/09/1984          | Nữ        | Kế toán viên (Kế toán thu viện phí ngoại trú, bảo hiểm ngoại trú)             | Kế toán viên (hạng III)          | Phòng Tài chính - Kế toán                            | Thạc sĩ             | Kế toán                                                     | Đạt                       | 75                    | Không                   |              | 75        | Trúng tuyển |         |
| 43  | Trần Ngọc Lan Anh      | 31/10/1987          | Nữ        | Kế toán viên (Kế toán thu viện phí ngoại trú, bảo hiểm ngoại trú)             | Kế toán viên (hạng III)          | Phòng Tài chính - Kế toán                            | Đại học             | Kế toán                                                     | Đạt                       | 95                    | Không                   |              | 95        | Trúng tuyển |         |
| 44  | Nguyễn Thị Thái        | 10/10/1983          | Nữ        | Kế toán viên (Tổng kế, tổng hợp vật tư tiêu hao - hóa chất)                   | Kế toán viên (hạng III)          | Phòng Vật tư thiết bị y tế                           | Đại học             | Kế toán                                                     | Đạt                       | 75                    | Không                   |              | 75        | Trúng tuyển |         |
| 45  | Hoàng Thị Thanh Huyền  | 15/10/1985          | Nữ        | Kế toán viên trung cấp (Kế toán Bảo hiểm y tế)                                | Kế toán viên trung cấp (hạng IV) | Phòng Tài chính - Kế toán                            | Đại học             | Kế toán                                                     | Không kiểm tra sát hạch   | 90                    | Không                   |              | 90        | Trúng tuyển |         |
| 46  | Nguyễn Tấn Khoa        | 27/02/1987          | Nam       | Kỹ sư (hạng III) (thế thông điện)                                             | Kỹ sư (hạng III)                 | Phòng Hành chính quản trị                            | Đại học             | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử Chuyên ngành Hệ thống điện | Đạt                       | 80                    | Không                   |              | 80        | Trúng tuyển |         |

| STT | Họ và tên               | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Vị trí dự tuyển                                       | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Khoa/phòng                 | Trình độ chuyên môn |                                         | Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ | Điểm vấn đáp (Vòng 2) | Thuộc đối tượng ưu tiên  | Điểm ưu tiên | Tổng điểm | Kết quả           | Ghi chú        |
|-----|-------------------------|---------------------|-----------|-------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------|---------------------|-----------------------------------------|---------------------------|-----------------------|--------------------------|--------------|-----------|-------------------|----------------|
|     |                         |                     |           |                                                       |                                |                            | Trình độ            | Chuyên ngành                            |                           |                       |                          |              |           |                   |                |
| 47  | Kiều Phú Đồng           | 13/01/1982          | Nam       | Kỹ sư (hạng III) (Sửa chữa, vận hành TTB)             | Kỹ sư (hạng III)               | Phòng Vật tư thiết bị y tế | Dại học             | Công nghệ kỹ thuật điện tử truyền thông | Đạt                       | 95                    | Không                    |              | 95        | Trúng tuyển       |                |
| 48  | Nguyễn Tấn Trung        | 22/05/1991          | Nam       | Kỹ sư (hạng III) (Sửa chữa, vận hành TTB)             | Kỹ sư (hạng III)               | Phòng Vật tư thiết bị y tế | Dại học             | Kỹ thuật điện, điện tử                  | Đạt                       | 95                    | Không                    |              | 95        | Trúng tuyển       |                |
| 49  | Đào Tiến Dũng           | 10/03/1983          | Nam       | Kỹ sư hạng III (quản lý hệ thống thông tin, phần mềm) | Kỹ sư (hạng III)               | Phòng Công nghệ thông tin  | Thạc sĩ             | Hệ thống thông tin                      | Đạt                       | 100                   | Không                    |              | 100       | Trúng tuyển       |                |
| 50  | Phan Hữu Tài            | 01/06/1981          | Nam       | Kỹ sư hạng III (quản lý phần cứng và hệ thống mạng)   | Kỹ sư (hạng III)               | Phòng Công nghệ thông tin  | Dại học             | Tin học ứng dụng                        | Đạt                       | 80                    | Không                    |              | 80        | Trúng tuyển       |                |
| 51  | Nguyễn Hoàng Xum        | 02/12/1987          | Nam       | Lưu trữ viên hạng IV (Phụ trách chuyên môn)           | Lưu trữ viên trung cấp         | Phòng Kế hoạch tổng hợp    | Trung cấp           | Văn thư - lưu trữ                       | Không kiểm tra sát hạch   | 95                    | Không                    |              | 95        | Trúng tuyển       |                |
| 52  | Nguyễn Thị Thiên Phương | 10/12/1995          | Nữ        | Điều dưỡng hạng III (Điều dưỡng chăm sóc)             | Điều dưỡng hạng III            | Khoa Mùi xoang             | Dại học             | Điều dưỡng                              | Đạt                       | -                     | Không                    |              | -         | Không trúng tuyển | Vắng           |
| 53  | Nguyễn Văn Tinh         | 01/02/1983          | Nam       | Kỹ thuật y hạng III (Kỹ thuật y Xét nghiệm)           | Kỹ thuật y hạng III            | Khoa Xét nghiệm X quang    | Dại học             | Xét nghiệm y học                        | Đạt                       | 75                    | Sĩ quan dự bị ngành y tế | 5            | 80        | Không trúng tuyển | Đã đủ chỉ tiêu |

Tổng: 53 thí sinh./.

HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC  
BỆNH VIỆN TÀI MŨI HỌNG